

Số: 236/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt vận hành trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng và đường sắt đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan đăng kiểm thực hiện việc thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện đường sắt chịu trách nhiệm thanh toán giá dịch vụ cho cơ quan đăng kiểm theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan đăng kiểm là cơ quan thực hiện việc kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện đường sắt.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giá dịch vụ thẩm định, kiểm định

1. Giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện đường sắt thực hiện theo quy định tại biểu giá dịch vụ kèm theo Thông tư này.

Giá dịch vụ quy định tại Thông tư này đã gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không bao gồm lệ phí cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài chính và chi phí ăn ở, đi lại, thông tin liên lạc để phục vụ công tác kiểm tra ở những nơi xa trụ sở Cơ quan đăng kiểm trên 100 km. Chi phí ăn ở, đi lại, thông tin liên lạc để phục vụ công tác kiểm tra ở những nơi cách xa trụ sở Cơ quan đăng kiểm trên 100 km (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập..

2. Đối với những công việc thẩm định, kiểm định khác chưa quy định tại biểu giá dịch vụ kèm theo Thông tư này hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có khiếu nại về chất lượng, an toàn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải và khai thác phương tiện chưa quy định mức thu thì tính giá kiểm định theo thời gian thực tế thực hiện công việc kiểm định với mức thu là 200.000 đồng/01 giờ, nhưng tối thiểu không thấp hơn 200.000 đồng/01 lần kiểm định, trừ trường hợp khiếu nại về chất lượng, an toàn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải và khai thác phương tiện do lỗi của cơ quan đăng kiểm.

Đối với công việc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị bao gồm việc thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị khi xây dựng mới, nâng cấp và việc đánh giá, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành, Cục Đăng kiểm Việt Nam lập dự toán kinh phí cho từng dự án cụ thể theo tính chất đặc thù và quy mô của mỗi dự án làm căn cứ xác định mức thu giá thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống và đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị và báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

3. Khi thu tiền dịch vụ, cơ quan đăng kiểm sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Cơ quan đăng kiểm có nghĩa vụ công khai thông tin và niêm yết giá dịch vụ, nộp thuế đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 34/2008/QĐ-BTC ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn giao thông và chất lượng thiết bị, vật tư, phương tiện giao thông đường sắt.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế, Kho Bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ
KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. MỨC GIÁ DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT SẢN XUẤT, LẮP RÁP, HOÁN CẢI

Mức giá dịch vụ thẩm định thiết kế phương tiện giao thông đường sắt sản xuất, lắp ráp, hoán cải được áp dụng theo biểu sau:

Biểu số 1:

STT	Nội dung thu	Mức giá (đồng)
1	Đầu máy, toa xe động lực	1.150.000
2	Phương tiện chuyên dùng	500.000
3	Toa xe hàng	500.000
4	Toa xe khách	800.000
5	Phương tiện hoán cải (Đầu máy, toa xe động lực; Phương tiện chuyên dùng; Toa xe hàng; Toa xe khách)	200.000

B. MỨC GIÁ DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. MỨC GIÁ DỊCH VỤ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mức giá dịch vụ kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt được áp dụng theo biểu sau:

Biểu số 2:

STT	Nội dung thu	Mức giá (đồng)
1	Kiểm định nhập khẩu	
	- Đầu máy, toa xe động lực	3.350.000
	- Phương tiện chuyên dùng	1.600.000
	- Toa xe hàng	1.500.000
	- Toa xe khách	2.400.000
2	Kiểm định sản xuất, lắp ráp	
a	Đầu máy, toa xe động lực	
	- Truyền động thuỷ lực	11.000.000
	- Truyền động điện	12.000.000